

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ XUYỀN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HS-ST
Ngày 21-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ XUYỀN, TỈNH HÀ GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Trần Thị Vân** - Nghề nghiệp: Giáo viên.
- Bà **Nông Thị Thúy** – Nghề nghiệp: Cán bộ.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà **Lý Hồng Hạnh** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2017/HSST ngày 15 - 6 - 2017 đối với:

Bị cáo: **LÝ VĂN T** - Sinh ngày: 02-11-1988 tại huyện A, tỉnh Hà Giang.
Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Bố đẻ: Lý Hồng T – Sinh năm: 1961; Mẹ đẻ: Nông Thị L – Sinh năm: 1960; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; Vợ: Triệu Thị T – Sinh năm: 1990.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo Lý Văn T bị bắt từ ngày 05 - 4 -2017 đến ngày 06 - 6 -2017 được tại ngoại theo Quyết định cho bảo lãnh số 04 ngày 06-6-2017. Hôm nay có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo **Lý Văn T**: Bà **Nguyễn Thị Thanh T** – Sinh năm: 1978; Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt.

Người có liên quan: Anh **Hà Quang S** – Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Lý Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút 07-01-2016, Hà Quang S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23H1 – 117.07 chở Lý Văn T đến cửa khẩu Thanh Thủy. S và T làm sổ thông hành xuất, nhập cảnh rồi xuất cảnh sang Trung Quốc. Khi đến chợ Trung Quốc giáp với khu vực cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, để S đòi tiền công làm thuê nhưng không được, nên S nảy sinh ý định rủ T mua pháo về Việt Nam sử dụng và bán kiếm lời, T đồng ý. Sau đó S gọi điện thoại Lý Mạnh C, đang làm thuê tại xã D, huyện A để thuê C vận chuyển pháo từ Trung Quốc về Việt Nam với tiền công là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), C đồng ý và hẹn gặp S ở Trung Quốc (*Khu vực giáp chợ cửa khẩu Thanh Thủy*). Gọi điện xong S và T vào một cửa hàng bên Trung Quốc đòi tiền Việt Nam sang tiền Trung Quốc để mua pháo. S và T mỗi người đổi 200 nhân dân tệ tương ứng với số tiền là 1.388.000đ VNĐ. Sau khi đổi tiền xong S và T ra quán bia ở gần cửa khẩu Thanh Thủy đợi C đến. Về phía C sau khi nhận lời vận chuyển pháo cho S, C đi nhờ xe mô tô của người không rõ tên, tuổi, địa chỉ từ xã D xuống xã G rồi đi bộ theo đường mòn gần cửa khẩu Thanh Thủy, vượt biên trái phép sang Trung Quốc đến khu vực giáp cửa khẩu Thanh Thủy như đã hẹn. Đến nơi C gọi điện thoại cho S ra đón. S, T, C gặp nhau tại khu vực công viên Trung Quốc gần cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy. Sau đó S và T đi mua pháo, C ở khu công viên đợi. Tại cửa hàng pháo S giao dịch với chủ cửa hàng ở chợ Trung Quốc (*không biết tên, tuổi, địa chỉ*), mua số lượng pháo là 400 nhân dân tệ, do còn thiếu số lượng pháo cần mua nên S đã trả trước cho chủ cửa hàng 200 nhân dân tệ. Trả tiền xong thì C đến, S bảo với T và C “ *Tỷ họ gom đủ hàng thì trả hết tiền, hai đứa ở lại nhận đủ hàng rồi vận chuyển về Việt Nam*”, còn S nhập cảnh về Việt Nam trước đợi ở xã G và chuẩn bị thuê xe để vận chuyển pháo về xã C. T và C do chưa nhận đủ pháo nên hai người đi uống bia. Đang uống bia thấy chủ cửa hàng mang pháo về, T và C quay lại cửa hàng lấy pháo, T trả nốt số tiền còn lại là 200 nhân dân tệ. Đợi trời tối, C và T chia nhau vận chuyển pháo về Việt Nam để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Khoảng 18 giờ cùng ngày, C xách 02 túi ni lông màu đen bên trong có đựng pháo (*loại bánh*) và hộp pháo hoa, còn T xách 02 túi ni lông màu đen bên trong đựng pháo và vác 01 hộp bia cát tông bên trong đựng pháo (*loại bánh*), cùng nhau vận chuyển qua biên giới về Việt Nam theo đường mòn do C dẫn đường. Do hộp bia cát tông đựng pháo nặng nên C và T thay nhau vác. Trên đường đi túi ni lông đựng pháo của T vướng vào gốc cây bị rách nên T cởi chiếc áo khoác bò của T ra sắp hết số pháo ở 02 túi ni lông vào áo bò rồi buộc sau lưng. Khi đến khu vực thôn H, xã G, huyện A thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang được C cùng toàn bộ số tang vật là 39kg (có 19 kg pháo nổ và 20 kg pháo hoa), còn T bỏ chạy sang phía Trung Quốc. Về phía S sau khi nhập cảnh về Việt Nam không liên lạc được với T và C nên đã quay về nhà ở xã C, huyện A.

Ngày 08/01/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 13/TCGD gửi Viện khoa học hình sự - Bộ công an gồm: 01 vỏ giấy, hình hộp chữ nhật, màu xanh – đỏ, kích thước (34cm x 6,5cm x 1,5cm), bên ngoài vỏ giấy có chữ nước ngoài và số 200, ký hiệu P1 ; 01 hộp vỏ giấy màu tím, kích thước (16,5 x 16,5cm x 17,5cm), bên ngoài vỏ giấy có

chữ nước ngoài ký hiệu P2; 01 hộp vỏ giấy màu đỏ, kích thước (16,5 x 16,5cm x 17,5cm), bên ngoài vỏ giấy có chữ nước ngoài ký hiệu P3.

Tại Bản kết luận giám định số 146/C54-P2, ngày 11-01-2016 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Mẫu vật ký hiệu P1 là pháo nổ. Mẫu vật có ký hiệu P2 và P3 đều là pháo hoa (dạng giàn pháo hoa nổ). Tất cả số pháo trên đều mang nhãn hiệu do Trung Quốc sản xuất (BL số 56).

Quá trình điều tra bị can Lý Văn T đã bỏ trốn, nên cơ quan CSĐT công an huyện A đã ra quyết định tách vụ án để điều tra theo quy định. Đến ngày 05-4-2017, Cơ quan CSĐT công an phường L, thành phố M, tỉnh Thái Nguyên đã bắt được Lý Văn T và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A để xử lý theo quy định. Ngày 06/4/2017 Cơ quan CSĐT công an huyện A đã ra Quyết định đình nã số 01 và ra quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự số 01 và Quyết định phục hồi điều tra bị can số 01 đối với Lý Văn T để tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23H1 -117.07, kèm theo 01 đăng ký xe mô tô mang tên Hà Quang S là phương tiện S đã sử dụng chở T đi lên cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, sau đó đi sang Trung Quốc. Xét thấy vật chứng trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 28-4-2016 Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã trả lại chiếc xe mô tô cho S; 39 kg pháo nổ và pháo hoa (*còn lại sau khi lấy mẫu giám định là 34,6kg*); 02 sim Viettel; 01 áo khoác bằng vải bò màu nâu; 01 quyển sổ bên ngoài ghi chữ “Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới” mang tên Hà Quang S; 01 điện thoại di động NOKIA, màn hình cảm ứng kèm 01 thẻ nhớ; 01 điện thoại có ghi chữ Mobiistar, vỏ màu trắng, xanh. (*Vật chứng đã được xử lý tại Bản án số 14 ngày 26-5-2016 của TAND huyện A*).

Tại bản án số 14/2016/HSST ngày 26/5/2016 đã tuyên phạt mức án đối với các bị cáo: Hà Quang S 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Buôn lậu”; Lý Mạnh C 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

Tại cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 14-6-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang quyết định truy tố với bị cáo Lý Văn T về tội “Buôn lậu” theo điểm c khoản 1 Điều 153 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lý Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 07-01-2016, sau khi làm sổ thông hành xuất nhập cảnh từ Việt Nam sang Trung Quốc, Lý Văn T và Hà Quang S đã bàn bạc thống nhất mua pháo tại Trung Quốc chuyển về Việt Nam với mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Lý Văn T cùng Hà Quang S đổi mỗi người góp 200 nhân dân tệ, tổng số tiền đổi là 400 nhân dân tệ. Sau đó, Lý Văn T và Hà Quang S cùng nhau mua pháo rồi thuê Lý Văn C vận chuyển pháo về Việt Nam. Sau khi đến thôn H, xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Lý Văn T đã bỏ trốn sang Trung Quốc. Bị cáo Lý Văn T đề

ngiht với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Người có liên quan anh Hà Quang S vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của S, tại các bản lời khai S đã nhận cùng góp tiền với bị cáo Lý Văn T để mua pháo từ Trung Quốc mang về Việt Nam với mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Sau đó bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo Lý Văn T khai nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo; lời khai của người có liên quan; người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A đề nghị với HĐXX như sau:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Lý Văn T phạm tội “Buôn lậu” theo điểm c khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 153; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lý Văn T từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng. Giao về UBND nơi cư trú theo dõi giáo dục.

Về vật chứng vụ án: Đã được xử lý tại Bản án số 14/2016/HSST ngày 26-5-2016 của TAND huyện A nên không đề nghị xem xét.

Về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T, bà T có quan điểm đưa ra tại phiên tòa. Bị cáo Lý Văn T có hành vi mua bán trái phép pháo nổ với số lượng 19kg (số lượng lớn) bị Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội theo điểm c khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo T là người ở vùng sâu vùng xa, dân tộc ít người, nhận thức pháp luật còn hạn chế, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách 12 tháng.

Căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên toà đánh giá toàn bộ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, lời khai người có liên quan, người bào chữa cho bị cáo, người làm chứng.

XÉT THẤY

Bị cáo Lý Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 07-01-2016, sau khi làm sổ thông hành xuất nhập cảnh từ Việt Nam sang Trung Quốc, Hà Quang S đã rủ Lý Văn T mua pháo tại Trung Quốc chuyển về Việt Nam với mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Lý Văn T cùng Hà Quang S đổi mỗi người 200 nhân dân tệ, tổng số tiền đổi là 400 nhân dân tệ. Sau đó, Lý Văn T và Hà Quang S cùng nhau mua pháo, S

thuê Lý Văn C vận chuyển pháo về Việt Nam. Sau khi đến thôn H, xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Lý Văn T đã bỏ trốn sang Trung Quốc sau đó quay về Việt Nam thì bị bắt. Lời nhận tội của bị cáo T trước phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi buôn lậu của bị cáo Lý Văn T đã vi phạm pháp luật quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Luật số 03/2016/QH 14 ngày 22/11/2016 sửa đổi bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2014 quy định ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh đó là “*Kinh doanh pháo nổ*”; Tiểu mục 2.3 mục 2 phần III Thông tư liên tịch số 06/2008/ TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25/12/2008 về hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ và thuốc pháo quy định “*Người nào mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép pháo nổ có số lượng từ 10kg đến dưới 50kg được coi là số lượng lớn*”. Bị cáo T và S đã mua số lượng 19 kg pháo nổ và 20 kg pháo hoa mang qua biên giới Trung Quốc về Việt Nam thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo T là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lý Văn T phạm tội “Buôn lậu” theo điểm c khoản 1 Điều 153; Điều 53 Bộ luật hình sự. Như đại diện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điểm c khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào buôn bán trái phép qua biên giới thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a)

c) Hàng cấm có số lượng lớn....”.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo T đã vi phạm pháp luật của Nhà nước về buôn bán trái phép hàng hóa qua biên giới là nguy hiểm cho xã hội. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án phù hợp trong khung hình phạt quy định đối với bị cáo T, để bị cáo T có thời gian rèn luyện tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung loại tội phạm này.

Xét nhân thân bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa và quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là dân tộc ít người, thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Do vậy bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T bị tạm giam 02 tháng đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và có nhân thân tốt, địa chỉ rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ đủ điều kiện cho hưởng án treo theo khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS; Nghị quyết số 01/2013/ NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của HĐTP TATC “*hướng dẫn áp dụng điều 60 BLHS về án treo*

HĐXX chấp nhận ý kiến người bào chữa cho bị cáo T đưa ra tại phiên tòa về tội danh. Về hình phạt đưa ra chưa phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo T nên không được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi; quyết định tố tụng về khởi tố vụ án; khởi tố bị can; ra quyết định cho bảo lãnh; ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu; vật chứng đã khách quan phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về vật chứng vụ án: Đã được xử lý tại Bản án số 14/2016/HSST ngày 26-5-2016 của TAND huyện A, bị cáo T và người có liên quan Hà Quang S không có đề nghị gì bổ sung nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo Lý Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo theo quy định tại Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với hành vi vượt biên trái phép của Lý Văn T đã vi phạm quy định về xuất, nhập cảnh, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 25/5/2017 Công an huyện A đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69 xử phạt Lý Văn T với mức phạt là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) (BL số 75).

Đối với anh Hà Quang S là người có liên quan đến vụ án, mọi quyền lợi và nghĩa vụ của anh Hà Quang S đã được xử lý tại Bản án số 14/2016/HSST ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Do vậy, anh Hà Quang S không có quyền kháng cáo bản án này.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lý Văn T phạm tội “Buôn lậu”.

Hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 153; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Khoản 1; khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lý Văn T 08 (tám) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngày 21-7-2017.

Giao bị cáo Thương về UBND xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

(Bị cáo Lý Văn T bị bắt từ ngày 05-4-2017 đến ngày 6-6-2017 được tại ngoại)

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của UBTVQH “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Buộc bị cáo Lý Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21-7-2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án dân sự huyện A;
- Lưu hs, hstha, vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Anh Luyện